TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh P**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2021
V/v: "Ly hôn giữa chị H và anh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Minh

Bà Nguyễn Thị Yến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1978; Nơi đăng ký HKTT: Xóm 19, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi ở: Xóm 15, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định *(Chị Nguyễn Thị H vắng mặt)*.

Bị đơn: Anh Vũ Văn N - Sinh năm: 1974*;* Nơi đăng ký HKTT: Xóm 19, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 25, phân trại 2, Trại tạm giam Thanh Cẩm; xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. *(Anh Vũ Văn N vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2021 được bổ sung tại bản tự khai ngày 29/10/2021 nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Vũ Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 12/11/1997. Trong quá trình chung sống

vợ chồng hay sảy ra đánh cãi chửi nhau, anh Vũ Văn N dấn thân vào con đường nghiện ngập ma túy, sau đó đánh chết người, bị phạt tù chung thân, từ năm 2006 cho đến nay đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 25, phân trại 2, Trại tạm giam Thanh Cẩm; xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Vũ Văn N.

Về con chung: Giữa chị và anh N có hai con chung là Vũ Văn P – Sinh ngày 07/6/1998; Vũ Thị T – Sinh ngày 26/3/2001 hiện cả hai con chung đã trưởng thành, tự lập vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/11/2021 bị đơn, chị Anh Vũ Văn N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 12/11/1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh P có sinh được hai con chung. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chơi bời nghiện ngập ma túy, đánh chết người, hiện anh đang chấp hành án tại Trại tạm giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Do thời gian chấp hành án của anh còn dài, tình cảm vợ chồng không còn, nay chị H xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Giữa anh và chị H có hai con chung là Vũ Văn P – Sinh ngày 07/6/1998; Vũ Thị T – Sinh ngày 26/3/2001 hiện cả hai con chung đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1.Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với phiên tòa sơ thẩm.

2.Về đường lối giải quyết: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn N. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn N đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 12 tháng 11 năm 1997; vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống, anh Vũ Văn N dấn thân vào con đường nghiện ma túy, không quan tâm gì đến chị H và các con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2006 cho đến nay anh N phải đi chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Thanh Cẩm; xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, cũng suốt từ đó cho đến nay vợ chồng không được chung sống với nhau. Chị H và anh N đều xác định hôn nhân đã tan vỡ, chị H xin ly hôn, anh N nhất trí.

[4] Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn N với những mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh N của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Giữa anh N và chị H có hai con chung là Vũ Văn P – Sinh ngày 07/6/1998; Vũ Thị T – Sinh ngày 26/3/2001 hiện cả hai con chung đều trên 18 tuổi, đã trưởng thành, tự lập. Anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn N.

2.*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 0004462 ngày 12/10/2021.

3.*Về quyền kháng cáo:* chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh, huyện: 2 bản;
- Chi cục THA huyện N: 01 bản;
- UBND xã Đ: 01 bản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Xuân Thọ